

Số: 08/2015/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2015

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020**

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Thực hiện Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020;*

*Thực hiện Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2014 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2014 (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài* là văn bản thỏa thuận của lãnh đạo Đảng và Nhà nước với đối tác nước ngoài về khoa học và công nghệ; biên bản cuộc họp Ủy ban, tiểu ban hợp tác về khoa học và công nghệ của Việt Nam được Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ làm đại diện ký với đối tác nước ngoài; văn bản thỏa thuận song phương và đa phương về hợp tác khoa học và công nghệ được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký kết với đối tác nước ngoài; văn bản hợp tác khoa học và công nghệ của lãnh đạo bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây viết tắt là bộ, ngành và địa phương) ký với đối tác nước ngoài.

2. *Tìm kiếm công nghệ nước ngoài* là quá trình nghiên cứu nhằm phát hiện, đánh giá về tính năng ưu việt của một công nghệ nước ngoài và khả năng chuyển giao công nghệ đó vào Việt Nam, phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế - xã hội của đất nước.

3. *Chuyên gia tìm kiếm công nghệ* là người có trình độ, hiểu biết chuyên sâu và khả năng phân tích, đánh giá, tư vấn về chuyển giao công nghệ để tham gia hoạt động tìm kiếm công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

4. *Báo cáo hồ sơ công nghệ* là tập hợp thông tin, tài liệu liên quan đến công nghệ, tính mới của công nghệ, ưu thế cạnh tranh, tiềm năng ứng dụng của công nghệ; các giai đoạn phát triển của công nghệ (từ ý tưởng, phòng thí nghiệm, nghiên cứu tiền khả thi/khả thi, đăng ký sở hữu trí tuệ...); đối tượng nắm giữ công nghệ; điều kiện và khả năng chuyển giao công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng công nghệ.

## **Điều 3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình**

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chương trình (sau đây gọi là nhiệm vụ) là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ, bao gồm:

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương là đề tài, dự án khoa học và công nghệ do tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam hợp tác với đối tác nước ngoài cùng xây dựng, đóng góp các nguồn lực để tổ chức thực hiện và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 Thông tư này.

2. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài là đề tài, dự án khoa học và công nghệ có hoạt động tìm kiếm công nghệ; có hoạt động hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm và sản xuất sản phẩm.

3. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình là đề tài, dự án khoa học và công nghệ và các hoạt động khác nhằm triển khai mục tiêu, nội dung và giải pháp của Chương trình.

#### **Điều 4. Nguyên tắc lựa chọn nhiệm vụ của Chương trình**

Nhiệm vụ của Chương trình được lựa chọn theo nguyên tắc sau:

1. Các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình có nghĩa vụ và trách nhiệm bình đẳng trong việc triển khai các công việc có liên quan, bảo đảm an ninh quốc gia, tuân thủ luật pháp Việt Nam, điều ước và thỏa thuận quốc tế.

2. Nhiệm vụ phải phù hợp với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến (Khung Chương trình), kế hoạch triển khai Chương trình và kinh phí thực hiện Chương trình.

3. Ưu tiên nhiệm vụ thực hiện với đối tác nước ngoài là cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, thế mạnh, sẵn sàng hợp tác với Việt Nam để giải quyết một số vấn đề khoa học và công nghệ mà Việt Nam quan tâm.

#### **Điều 5. Mã số nhiệm vụ của Chương trình**

1. Mã số nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương: HNQT/SPĐP/XX.YY.

2. Mã số nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài: HNQT/TKCG/XX.YY.

3. Mã số nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình: HNQT/QL/XX.YY.

Trong đó:

- HNQT là mã số của Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020;

- SPĐP là ký hiệu nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương;

- TKCG là ký hiệu nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài;

- QL là ký hiệu nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình;

- XX là ký hiệu số thứ tự nhiệm vụ;

- YY là ký hiệu số biểu thị năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

#### **Điều 6. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương**

1. Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương được lựa chọn theo nguyên tắc nêu tại Điều 4 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mục tiêu của nhiệm vụ phù hợp với văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài, đồng thời giải quyết được ít nhất một trong các vấn đề chủ yếu sau:

- Vấn đề khoa học và công nghệ mang tính chất chiến lược, lâu dài của Việt Nam theo hướng làm chủ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào một số ngành công nghiệp trọng điểm; làm chủ công nghệ thiết kế và chế tạo, công nghệ chế tác và chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tạo cơ hội để Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu;

- Vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm phục vụ trực tiếp các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia;

- Vấn đề khoa học và công nghệ được triển khai trong chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, dự án đầu tư khoa học và công nghệ trên thế giới và trong khu vực nhằm tạo bước đột phá, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam.

b) Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương phải đạt được một trong các kết quả sau: tạo ra công nghệ mới; nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ với giá trị gia tăng cao; phát triển các tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

c) Tổ chức, cá nhân trong nước tham gia phải có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu theo quy định hiện hành đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Đối tác nước ngoài phải bảo đảm có năng lực và cam kết hợp tác nghiên cứu theo đúng mục tiêu, nội dung đã thỏa thuận.

d) Có phương án phối hợp cụ thể với đối tác nước ngoài trong việc triển khai nhiệm vụ, sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu; quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân trong nước phối hợp với đối tác nước ngoài xây dựng thuyết minh nhiệm vụ hợp tác song phương và đa phương theo Biểu A-SPDP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Điều 7. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài**

1. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài bao gồm 02 hợp phần: đề tài tìm kiếm công nghệ và dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài được lựa chọn theo nguyên tắc nêu tại Điều 4 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Công nghệ cần tìm kiếm để hỗ trợ chuyển giao được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đặt hàng.

b) Mục tiêu chính của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài được phân định theo từng hợp phần cụ thể như sau:

- Hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ thực hiện nghiên cứu, xây dựng báo cáo hồ sơ công nghệ. Báo cáo hồ sơ công nghệ phải phân tích, làm rõ được

thông tin chính liên quan đến công nghệ, các giai đoạn phát triển của công nghệ, đối tượng nắm giữ công nghệ, điều kiện và khả năng chuyển giao công nghệ vào Việt Nam;

- Hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ. Hoạt động chuyển giao công nghệ phải kèm theo chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ kèm theo đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;

c) Kết quả của nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài là báo cáo hồ sơ công nghệ; công nghệ nước ngoài được chuyển giao, góp phần hình thành sản phẩm, dịch vụ mới hoặc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp. Sản phẩm tạo ra từ nhiệm vụ có địa chỉ ứng dụng cụ thể, có giá trị gia tăng cao và sản xuất ở quy mô lớn;

d) Tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ gồm tổ chức khoa học và công nghệ (có lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với công nghệ cần tìm kiếm) và doanh nghiệp (có nhu cầu, cam kết thực hiện chuyển giao công nghệ). Hoạt động chuyển giao công nghệ trong hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ phải bảo đảm có ít nhất 02 doanh nghiệp và 01 nhóm nhà khoa học và công nghệ thuộc tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam tham gia; có đủ năng lực (tài chính, nhân lực, tổ chức) để thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ; có kế hoạch phát triển công nghệ và tổ chức kinh doanh sản phẩm.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân xây dựng thuyết minh nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài theo 02 hợp phần gồm: thuyết minh hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ; thuyết minh hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo Biểu B-TKCG tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 8. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình**

1. Nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phục vụ trực tiếp việc triển khai mục tiêu, nội dung của Chương trình.

b) Nhiệm vụ phải bao gồm một trong các nội dung sau:

- Hình thành tổ chức, nhóm nghiên cứu có tiềm năng để thực hiện nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương thuộc các hướng ưu tiên của Chương trình thông qua việc tham gia dự án và chương trình hợp tác quốc tế;

- Xây dựng mạng lưới chuyên gia tìm kiếm công nghệ;

- Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam về các vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm, có tính thời sự, cấp bách, có tính liên ngành, liên khu vực;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tìm hiểu công nghệ, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

- Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

c) Kết quả của nhiệm vụ là báo cáo khoa học; kết quả dự báo; dự thảo đề án; đề xuất về cơ chế, chính sách; mô hình, quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; cơ sở dữ liệu; phát triển các tổ chức, nhóm nghiên cứu tiềm năng và các sản phẩm khác.

2. Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân xây dựng thuyết minh nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình theo Biểu C-QL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **Điều 9. Tổ chức quản lý Chương trình**

Tổ chức bộ máy quản lý Chương trình và hoạt động quản lý Chương trình thực hiện theo quy định từ Điều 5 đến Điều 9 Thông tư số 05/2015/TT-BKH-CN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2015/TT-BKH-CN).

### **Điều 10. Đề xuất, xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và phê duyệt nhiệm vụ của Chương trình**

1. Đối với nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương

a) Việc đề xuất, xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và phê duyệt nhiệm vụ được thực hiện theo quy định từ Điều 5 đến Điều 8; Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 10 Thông tư số 12/2014/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2014/TT-BKH-CN) và Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 23/2014/TT-BKH-CN ngày 19 tháng 9 năm 2014 (sau đây gọi chung là Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN).

b) Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các bộ, ngành và địa phương, văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài (nếu có), Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành xác định nhiệm vụ đặt hàng.

Đối với các nhiệm vụ đặt hàng chưa xác định được đối tác nước ngoài hợp tác thực hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tìm kiếm đối tác nước ngoài; đàm phán và tổ chức ký kết văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài.

c) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp bao gồm thuyết minh nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương theo Biểu A-SPDP và các tài liệu khác quy định tại Khoản 3, Điều 8 Thông tư số 12/2014/TT-BKH-CN.

d) Thuyết minh nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương phải thể hiện được nguồn lực của đối tác nước ngoài (nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất và các nguồn lực cần thiết khác) đóng góp thực hiện nhiệm vụ, tối thiểu đáp ứng 30% trong tổng kinh phí dự kiến thực hiện. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Đối với nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài

a) Việc xây dựng Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm được quy định cụ thể tại Điều 11 Thông tư này.

Căn cứ vào Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài theo hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ, hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

b) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN và một số quy định cụ thể sau:

- Thời gian thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ tối đa không quá 12 tháng;

- Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp gồm thuyết minh hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ theo Biểu B-TKCG (theo Phần I và Phần II.A) và các tài liệu khác theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN;

- Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Biểu NXĐTTKCN và ĐGĐTTKCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Kết quả thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ phải được đánh giá nghiệm thu theo quy định hiện hành trước khi thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thuộc nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài.

d) Căn cứ vào quyết định công nhận kết quả thực hiện hợp phần đề tài tìm kiếm công nghệ hoặc báo cáo hồ sơ công nghệ được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và phê duyệt, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ thuộc nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, giao trực tiếp. Việc giao trực tiếp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN và một số quy định cụ thể sau:

- Thời gian thực hiện hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ tối đa không quá 24 tháng. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định;

- Hồ sơ đăng ký giao trực tiếp gồm thuyết minh hợp phần dự án hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo Biểu B-TKCG (theo Phần I và Phần II.B) và các tài liệu khác theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN;

- Phiếu nhận xét, đánh giá của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Biểu NXDACGCN và ĐGDACGCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình

a) Việc tổ chức đề xuất, xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và phê duyệt nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHHCN.

b) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp gồm thuyết minh nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý, triển khai Chương trình theo Biểu C-QL và các tài liệu khác theo quy định tại Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN.

### **Điều 11. Xây dựng Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm**

1. Đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm

a) Yêu cầu đối với công nghệ cần tìm kiếm:

Công nghệ cần tìm kiếm là công nghệ mới, có tính cạnh tranh cao; có tác động đột phá về quy mô sản xuất và chất lượng sản phẩm, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, phục vụ quốc phòng, an ninh.

b) Căn cứ đề xuất đặt hàng:

- Yêu cầu của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước;

- Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia; chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành và địa phương phù hợp với mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình;

- Nhu cầu thực tiễn để giải quyết các vấn đề khẩn cấp về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam;

- Dữ liệu thông tin công nghệ do chuyên gia tìm kiếm công nghệ cung cấp, đề xuất.

c) Căn cứ quy định nêu tại Điểm a và ít nhất một trong các quy định nêu tại Điểm b Khoản này, bộ, ngành và địa phương đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm theo Biểu PDX-TKCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm; tổ chức đánh giá, lựa chọn những đề xuất có tính cấp thiết và khả thi để xây dựng và phê duyệt Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm làm cơ sở để lựa chọn các nhiệm vụ tìm kiếm, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nước ngoài của Chương trình.

Việc xác định Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Danh mục đặt hàng công nghệ cần tìm kiếm được Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, đánh giá, bổ sung định kỳ (6 tháng) hoặc đột xuất theo yêu cầu.



## **Điều 12. Tổ chức ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của Chương trình**

1. Căn cứ theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì theo quy định. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN).

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sử dụng kinh phí được cấp theo Hợp đồng.

## **Điều 13. Điều chỉnh, kiểm tra và đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**

Việc điều chỉnh, kiểm tra và đánh giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nhiệm vụ của Chương trình đang được thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá.

## **Điều 14. Chấm dứt hợp đồng**

Việc chấm dứt hợp đồng và xử lý các vấn đề liên quan sau khi chấm dứt hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN.

## **Điều 15. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình**

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận và công bố công khai kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

## **Điều 16. Thanh lý hợp đồng và khai thác kết quả nhiệm vụ của Chương trình**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nhiệm vụ của Chương trình theo quy định của pháp luật. Quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ.

3. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

## **Điều 17. Xử lý tài sản**

Việc xử lý tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ của Chương trình được thực hiện theo các quy định hiện hành.

## **Điều 18. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm, được giao về Bộ Khoa học và Công nghệ để thực hiện. Kinh phí từ các nguồn khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Cơ chế tài chính thực hiện Chương trình được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản khác có liên quan đối với việc quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2015.

## **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu VT, Vụ HTQT.

**BỘ TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Quân**